

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TRUNG CẤP CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2021-2023, 2022-2024, 2023-2025

(Đính kèm Quyết định số 34/QĐ-CDYT ngày 18/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

STT	SBD	Mã số HSSV	Họ và tên HSSV	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (XL.TN)	Lý do giảm mức xếp loại tốt nghiệp	
								Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp				
1. Lớp TCCQ Y sỹ 30 (Khóa học 2021-2023) _ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2														
1	YS01	C21107002	Lê Hoàng	Diệp	28/7/2002	Nam	Khánh Hòa	6.4	8.5	6.5	6.0	6.3	Trung bình khá	
2. Lớp TCCQ Y sỹ đa khoa 31 (Khóa học 2022-2024) __ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2														
2	YS02	C22107024	Nguyễn Nguyễn	Nguyễn	16/7/2002	Nam	Khánh Hòa	6.9		7.0	6.0	6.6	Trung bình	
3. Lớp TCCQ Y học cổ truyền 11 (Khóa học 2022-2024) __ Xét điều kiện thi tốt nghiệp Lần 2														
3	YHCT01	C20108008	Trịnh Mai	Phuong	05/10/2002	Nữ	Khánh Hòa	7.9		8.5	8.0	8.0	Giỏi	
4. Lớp 23TC.YHCT.12 (Khóa học 2023-2025)														
4	YHCT02	23T1CT012001	Nguyễn Đức	Anh	14/12/1996	Nam	Đắk Lắk	7.8		7.5	7.5	7.7	Khá	
5	YHCT03	23T1CT012008	Nguyễn Thị Thùy	Phuong	18/3/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.9		8.5	7.0	7.7	Khá	
6	YHCT04	23T1CT012015	Nguyễn Hà	Nam	19/9/1997	Nam	Khánh Hòa	8.0		9.0	7.5	8.0	Giỏi	
7	YHCT05	23T1CT012002	Châu Thị Kim	Ái	26/12/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.7		8.0	7.0	7.5	Khá	
8	YHCT06	23T1CT012010	Nguyễn Thị Mỹ	Thắm	22/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	7.6		8.0	7.5	7.6	Khá	
9	YHCT07	23T1CT012003	Nguyễn Ngọc Tâm	Doan	24/02/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.4		9.0	7.5	8.2	Giỏi	

STT	SBD	Mã số HSSV	Họ và tên HSSV	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (XL TN)	Lý do giảm mức xếp loại tốt nghiệp
								Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp			
10	YHCT08	23T1CT012011	Nguyễn Trà Thơ	20/6/1997	Nữ	Khánh Hòa	8.4	/	9.5	7.0	8.1	Giỏi	
11	YHCT09	23T1CT012004	Nguyễn Phương Gia Hân	29/11/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.3	/	10.0	7.5	8.3	Giỏi	
12	YHCT10	23T1CT012005	Đỗ Ngọc Hòa Hiệp	28/11/2005	Nam	Khánh Hòa	7.4	/	5.5	5.5	6.5	Trung bình	
13	YHCT11	23T1CT012012	Châu Chí Tĩnh	24/3/2002	Nam	Khánh Hòa	8.1	/	9.0	7.0	7.9	Khá	
14	YHCT12	23T1CT012013	Lê Thị Thanh Trúc	06/10/2005	Nữ	Lâm Đồng	8.0	/	9.0	8.5	8.3	Giỏi	
15	YHCT13	23T1CT012006	Bạch Thùy Hương	30/9/2004	Nữ	Phú Thọ	8.2	/	9.0	8.0	8.3	Giỏi	
16	YHCT14	23T1CT012007	Nguyễn Lân	06/3/2005	Nam	Khánh Hòa	7.9	/	8.0	5.5	7.1	Khá	
17	YHCT15	23T1CT012014	Lê Đức Mạnh	25/01/1994	Nam	Đắk Lắk	8.5	/	9.5	8.0	8.5	Giỏi	

5. Lớp 23TC.YS.32 (Khóa học 2023-2025)

18	YS03	23T1YS032001	Sư Quốc An	08/9/2005	Nam	Khánh Hòa	7.5	/	8.0	7.5	7.6	Khá	
19	YS04	23T1YS032002	Đặng Châu Anh	01/9/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.8	/	8.0	7.0	7.6	Khá	
20	YS05	23T1YS032003	Hoàng Thị Vân Anh	23/6/2003	Nữ	Đắk Lắk	7.7	/	8.0	8.0	7.9	Khá	
21	YS06	23T1YS032004	Võ Hồng Anh	31/12/2002	Nữ	Khánh Hòa	7.9	/	8.5	6.0	7.4	Khá	
22	YS07	23T1YS032005	Kon Gôr Mỹ Chuyên	15/3/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.4	/	7.5	6.0	7.0	Khá	
23	YS08	23T1YS032009	Lê Văn Lợi	28/6/2005	Nam	Khánh Hòa	7.3	/	7.5	6.0	6.9	Trung bình	
24	YS09	23T1YS032011	Đỗ Ngọc Tú Nhi	11/9/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.5	/	6.5	6.0	6.8	Trung bình	
25	YS10	23T1YS032012	Đinh Lê Yến Như	04/9/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.6	/	7.0	8.0	7.6	Khá	

STT	SBD	Mã số HSSV	Họ và tên HSSV	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (XL TN)	Lý do giảm mức xếp loại tốt nghiệp
								Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp			
26	YS11	23T1YS032013	Hoàng Huyền Quỳnh Như	17/5/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.4	/	7.0	7.0	7.2	Khá	
27	YS12	23T1YS032014	Lưu Thị Minh Phương	10/12/1999	Nữ	Đắk Lắk	7.8	/	8.0	8.0	7.9	Khá	
28	YS13	23T1YS032015	Trần Nguyễn Trung Tín	01/8/2005	Nam	Khánh Hòa	7.5	/	6.5	7.0	7.2	Khá	
29	YS14	23T1YS032019	Trần Nguyễn Minh Hiền	19/02/2005	Nam	Khánh Hòa	7.8	/	7.5	8.5	8.0	Khá	Giảm mức xếp loại tốt nghiệp từ Giới xuống Khá vì thi lại 02 môn: 1. Y học cổ truyền. 2. Dược lý
30	YS15	23T1YS032020	Cao Lê Quỳnh	19/01/2005	Nữ	Khánh Hòa	7.9	/	7.0	6.5	7.3	Khá	
31	YS16	23T1YS032021	Đỗ Mạnh Tuấn	25/4/1999	Nam	Khánh Hòa	8.4	/	8.5	8.0	8.3	Giỏi	
32	YS17	23T1YS032022	Vũ Nguyễn Hoàng Tuấn	08/10/2005	Nam	Khánh Hòa	8.0	/	8.5	8.0	8.1	Giỏi	
33	YS18	23T1YS032023	Trương Thị Hồng Ngoại	19/3/1998	Nữ	Khánh Hòa	7.7	/	8.0	6.5	7.4	Khá	
34	YS19	23T1YS032024	Nguyễn Hoàng Yến	08/4/2003	Nữ	Khánh Hòa	7.8	/	8.5	9.0	8.3	Giỏi	